

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)
国泰君安证券（越南）股份公司

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
越南社会主义共和国
独立-自由-幸福

Số/编号:/2022/NQ-HĐQT.GTJAVN

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2022

河内, 2022 年 06 月 28 日

NGHỊ QUYẾT

决议

Về việc: Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

关于：签发董事会工作条例

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

国泰君安证券（越南）股份公司董事会

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
根据越南社会主义共和国国会于2020年6月17日通过的第59/2020/QH14号企业法
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
根据越南社会主义共和国国会于2019年11月26日通过的第54/2019/QH14号证券法
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
根据政府2020年12月31日颁布的第155/2020/ND-CP号法令，详细规定证券法若干条款的实施情况
- Căn cứ Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
根据政府2021年04月01日颁布的第47/2021/NĐ-CP号法令，详细规定企业法若干条款的实施情况
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
根据财政部部长于2020年12月31日发布的第116/2020/TT-BTC号通告，关于政府于2020年12月31日颁布的第155/2020号法令详细规定《证券法》若干条款的实施情况中指引一些适用于上市公司的公司治理条款；

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
根据财政部2020年11月16日第96/2020/TT-BTC号通知, 证券市场信息公告指引
- Căn cứ thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.
根据财政部2020年12月31日第121/2020/TT-BTC号通告规范证券公司的经营活动
- Căn cứ Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 28 tháng 06 năm 2022.
根据2022年06月28日第...号股东大会会议纪要和决议
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)
根据国泰君安证券(越南)股份有限公司章程
- Căn cứ theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
根据股东大会提议

QUYẾT NGHỊ

决议

Điều 1 : Ban hành kèm theo Quyết định là “**Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**” của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam).

第一条: 国泰君安证券(越南)股份公司“董事会工作条例”与本决定一并颁布

Điều 2 : Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực thi hành của Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành trước đây.

第二条: 本决议自签发之日起生效, 先前已签发的董事会工作条例同时失效

Điều 3 : Thành viên Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc và các Phòng có liên quan, các đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

第三条: 董事会成员、经理会、相关部门经理、公司直属单位以及相关个人负责履行本决议。

Nơi nhận: 归档处

- Như Điều 3;
上述第三条
- Lưu: PC-TT; Phòng Hành chính/ Thư ký
HĐQT (02).
保存: 法律合规部、行政部/ 董事会秘书
(02)

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

代表董事会

董事长

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)
国泰君安证券（越南）股份公司

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày 28/06/2022)
董事会工作条例
(与2022 年 06 月 28 日第 号文决议 一并发布)

Tháng 06/2022
2022 年 06 月

Thông tin nhóm soạn thảo
编制人信息

	Họ và tên 姓名	Chức danh 职务	Chữ ký 签名	Ngày ký 日期
Bộ phận soạn thảo 编制单位	Hồ Cẩm Vân 胡锦涛云	Người phụ trách Quản trị công ty kiêm thư ký công ty 公司治理人兼秘书		
Bộ phận kiểm tra 批准	Hoàng Thị Thanh Hoa 黄氏清花	Phó phòng Pháp chế Tuân thủ 法律合规副经理		
	Bùi Quang Kỳ 裴光纪	Phó Tổng Giám đốc 副总经理		
Bộ phận thẩm định 审核单位	Đại hội đồng cổ đông 股东大会		-	-

Bảng theo dõi sửa đổi
修订跟踪表

Phiên bản 版本	Nội dung sửa đổi 修改内容	Ngày sửa đổi 修改日期
Tháng 9/2017	Ban hành lần đầu 首席签发	01/09/2017
Tháng 6/2022	Thay thế toàn bộ các quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã ban hành 代替先前签发的董事会工作条例	28/06/2022

MỤC LỤC^[LHT1]- 目录

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG 第一章：总则.....	7
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ 第一条：监管范围、适用对象、释义.....	7
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 第二条：董事会工作原则.....	8
Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 第二章：董事会成员.....	8
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 第三条：董事会成员的权利和义务.....	8
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 第 4 条：获知信息的权利.....	9
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 第 5 条：董事会成员的组成和任期.....	10
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 第 6 条：董事会成员的标准和条件.....	10
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 第 7 条：董事会主席.....	12
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 第 8 条：董事会成员的罢免、免职、代替和补充选举。.....	14
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 第 9 条：董事会成员选举、罢免、免职.....	15
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 第 10 条：关于选举、罢免和罢免董事会成员的通知.....	17
Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 第 3 章：董事会.....	18
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 第 11 条：董事会的权利和义务.....	18
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 第 12 条：董事会批准和签订交易合同的职权.....	21
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 第 13 条：召开股东大会的董事会责任.....	22
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị 第 14 条：董事会的分委会.....	24
Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 第 4 章：董事会会议.....	25
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 第 15 条：董事会会议.....	25
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 第 16 条：董事会会议纪要.....	28
Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 第 5 章：报告、利益相关公告.....	29
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm 第 17 条：年度报告.....	29
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 第 18 条：董事会成员的薪酬、奖金和其他福利.....	30
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan 第 19 条：利益相关的公告.....	31
Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 第 6 章：与董事会的关系.....	33
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 第 20 条：董事会成员之间的关系.....	33
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành 第 21 条：与管理层的关系.....	33
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 第 22 条：董事会与监事会的关系.....	33

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 第 7 章: 实施条款	34
Điều 23. Hiệu lực thi hành 第 23 条: 实施条款	34

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

第一章：总则

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ 第一条：监管范围、适用对象、释义

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

修订范围：董事会工作条例是根据企业法、公司章程以及相关法律规定董事会、董事会成员的组成、标准、条件、权利和义务。

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

适用对象：本条例适用于董事会、董事会成员

3. Giải thích từ ngữ 释义

3.1. Công ty là Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam).

公司是指国泰君安证券（越南）股份公司

3.2. Điều lệ công ty là Điều lệ của Công ty đang có hiệu lực tại thời điểm Quy chế này đang có hiệu lực.

章程是指在本条例有效期内国泰君安证券（越南）股份公司所履行的章程

3.3. Luật Doanh nghiệp có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

企业法是指 2020 年 6 月 17 日通过的第 59/2020/QH14 号企业法

3.4. Luật chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

证券法是指 2019 年 11 月 26 日通过的第 54/2019/QH14 号证券法

3.5. Nghị định 155 là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020.

155 议定是指 2020 年 12 月 31 日颁布第 155/2020/ND-CP 号法令。

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 第二条：董事会工作原则

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

董事会按照集体原则工作。董事会成员对其工作承担责任并对股东大会和法律一起承担关于董事会对公司发展的决定、决议的责任。

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

董事会授权总经理组织和执行董事会决议和决定。

Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

第二章：董事会成员

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 第三条：董事会成员的权利和义务

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

董事会成员享有证券法、相关法律和公司章程规定的全部权利，包括获知公司财务状况和经营情况的信息和文件的权利

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

董事会成员承担公司章程规定的义务和下列义务：

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích hợp pháp cao nhất của cổ đông và của Công ty. Nhiệm vụ tại Điều 3.2.a này là quyền và trách nhiệm/nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

为股东和公司的最高合法利益诚实、谨慎地履行职责。第 3.2.a 条中的任务是根据《企业法》、其他相关法律、公司章程、股东大会决议的规定分配的权利和责任/义务

- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

出席董事会的所有会议并就所讨论的问题发表意见

- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

及时、全面地向董事会报告关于从子公司、关联公司和其他机构获得的报酬

- d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

在最近会议上对由公司持有 50%以上注册资金的公司、子公司和其他公司与董事会成员及其关联人的交易；公司与一家董事会成员为企业创始成员或在交易发生前最近 3 年内为公司管理人的公司进行交易，均向股东大会报告。

- e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

依法对公司股票交易进行信息公告

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

公司独立董事必须对董事会的运作作出评估报告

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 第 4 条：获知信息的权利

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

董事会成员有权要求公司总经理、副总经理和其他管理人员提供有关公司财务状况和经营活动的资料和文件

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

管理人员应董事会成员的要求，提供及时、完整和准确的信息和文件。 要求和提供信息的程序由公司章程规定

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 第 5 条：董事会成员的组成和任期

1. Tại thời điểm Điều lệ này có hiệu lực, Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ quy định Hội đồng quản trị có từ 03 (ba) đến 07 (bảy) thành viên.

在本章程生效的期间，董事会成员共有 05 名。董事会成员数量可以按照股东大会决定更换，且遵守董事会成员数量的规定（03 名到 07 名成员）。

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 03 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

董事会成员任期为三（03）年。董事会成员可以连选连任。担任独立董事不得连任 2 届。

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

如果董事会的所有成员同时结束其任期，这些成员将继续担任董事会成员，直到选出新一届董事会成员为止

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

公司章程规定独立董事的人数、权利、义务和组成部分等事项。

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 第 6 条：董事会成员的标准和条件

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

董事会成员应满足以下标准和条件。

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

不属于《企业法》第十七条第二款规定的对象。

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

具有工商管理或公司业务领域的专业知识和经验，不一定是公司的股东，公司章程另有规定的除外。

- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

公司董事会成员可兼任另一家公司的董事会成员。

- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

其他标准和条件按照公司章程。

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

公司独立董事应满足以下标准和条件:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

不是在公司、其母公司或子公司工作的人； 不是已经在公司、其母公司或子公司连续至少前 03 年工作的人；

- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

不是从公司领取工资或报酬的人， 董事会成员按规定有权领取的补贴除外。

- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

其配偶、生父、养父、生母、养母、亲子女、养子女、亲兄弟、亲姐妹不是公司大股东； 不是本公司或子公司的管理人。

- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

不是直接或间接持有公司表决权股份总数的 01% 的人。

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

过去至少 5 年不曾担任公司董事会或监事会成员，连任 2 届除外。

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

其他标准和条件按照公司章程。

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

独立董事不再完全符合本条第二款规定的标准和条件，自不符合之日起将不再是独立董事。董事会必须在最近的股东大会上通知不符合标准和条件的独立董事，或自收到相关独立董事通知之日起 06 个月内召开股东大会选举新独立董事。

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 第 7 条：董事会主席

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

董事长由董事会从董事会成员中选举、免职或罢免。

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

公司董事长不得兼任总经理。

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

董事长享有以下权利和义务：

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

制定董事会的运营方案和计划。

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

准备会议议程、内容和文件； 召集、主持和担任董事会主席。

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

组织通过董事会的决议和决定；

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

监督组织实施董事会决议和决定的过程。

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

股东大会的主席。

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

企业法和公司章程规定的其他权利和义务。

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

董事长有免职申请书或罢免申请书的，董事会应当自收到申请书之日起 10 日内选举新人选。董事长缺席或不能履行职责的，必须书面授权其他成员按照公司章程规定行使董事长的权利和义务。在公司章程中。若无授权人或董事长死亡、失踪、被拘留、正在服刑、正在强制戒毒所、义务教育、逃离居住地、受限制或民事行为能力丧失、认知或行为控制困难、被法院禁止担任某些职务、从业或担任公职人员。其余成员按照多数同意原则选举一名成员担任董事长直至董事会作出新的决定。

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

董事会认为必要时，决定聘任公司秘书。公司秘书享有以下权利和义务：

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

协助召开股东大会和董事会；记录会议纪要。

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

协助董事会成员履行其分配的权利和义务。

- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

协助董事会应用和实施公司治理原则。

- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

协助公司建立股东关系，维护股东合法权益；遵守提供信息、公开信息和行政手续等义务。

- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều lệ công ty trái với quy định của Luật doanh nghiệp.

公司章程规定的其他权利和义务，公司章程与企业法规定相抵触的除外。

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 第 8 条：董事会成员的罢免、免职、代替和补充选举。

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

股东大会在下列情况下免职董事会成员：

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

不符合《企业法》第一百五十五条规定的董事会成员标准和条件。

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

辞职申请书并获得批准文件。

- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

其他情况按照公司章程。

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

股东大会在下列情况下罢免董事会成员。

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

连续 6 个月未参加董事会活动，不可抗力除外；

- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

其他情况按照公司章程。

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

股东大会认为必要时，决定更换董事会成员；除本条第 1 款和第 2 款规定的情况外，罢免或免职董事会成员

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

在下列情况下，董事会必须召集股东大会补充选举董事会成员

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

董事会成员人数比公司章程规定的人数减少三分之一以上。在这种情况下，董事会必须在成员人数减少三分之一以上之日起 60 日内召开股东大会；

- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Điều 276.4 của Nghị định 155;

独立董事人数减少，未能确保符合第 155 号法令第 276.4 条的规定。

- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

除本款 a 点和 b 点规定的情况外，股东大会应选举新成员替代已免职或罢免的董事会成员

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 第 9 条：董事会成员选举、罢免、免职

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

持有普通股股份总数 5% 以上的股东或股东组有权向董事会提名人选。董事会成员提名如下：

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

持有普通股股东组成小组，提名候选人，必须在股东大会召开前将股东小组会议通知出席股东；

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

根据董事会成员的人数，本条规定的股东或股东组有权根据股东大会的决定提名一名或多名人士为董事会候选人。股东或股东组提名的候选人人数少于股东大会决议规定的候选人人数，其余候选人人数由董事会及其他股提名。

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

企业法第一百一十五条第五款规定，经提名董事会候选人人数仍不足的，由现任董事会根据公司章程、公司治理制度、董事会工作条例的规定推荐候选人或者举办选举。现任董事会推荐候选人，必须在股东大会依法选举董事会成员前明确公告。

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

董事会成员选举通过差额选举进行。每股的表决票数相当于其持有股份数量乘以候选人人数，股东可以将其部分或全部表决票数投于一名或多名候选人。董事会的当选人由从高到低计算的票数决定。从得票最多的候选人开始，直至达到公司章程规定的成员人数选满为止。如果最后一名董事会成员有 02 名以上候选人获得相同票数，将在获得相同票数的候选人中重新选举或根据选举规则选出。

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

董事会成员的选举、罢免和免职由股东大会根据表决的原则决定。

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 第 10 条：关于选举、罢免和罢免董事会成员的通知

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

若已确定董事会候选人，公司应在股东大会召开前 10 天在公司官方网站公告关于候选人信息以股东投票前了解这些候选人。董事会候选人必须对所公告的个人信息真实性和准确性作出书面承诺，并承诺公正廉洁、诚实谨慎地履行其职责，为公司利益做出贡献。董事会成员候选人相关信息包括：

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

姓名、出生日期

b) Trình độ chuyên môn;

学历

c) Quá trình công tác;

工作经验

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

其他管理职位（包括在其他公司担任董事会成员）

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

与公司及其关联的相关利益

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

公司章程规定的其他信息（如有）；

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

上市公司必须公告候选人在担任董事会成员的公司、其他管理职位以及与公司相关的利益（如有）

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

董事会成员选举、罢免和免职结果的公告必须符合信息公告指引规定。

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

第 3 章：董事会

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 第 11 条：董事会的权利和义务

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

董事会是公司的管理机构，全权代表公司决定和行使公司的权利和义务，股东大会授权的权利和义务除外。

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

董事会的权利和义务由法律、公司章程和股东大会规定。董事会具有以下权利和义务：

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

决定公司战略、中长期发展规划和年度经营计划

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

提议要发行的股份种类和股份总数

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

决定在发行的每类股份数量内发行未发行完的股份； 决定以其他形式筹集额外资金

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

决定公司出售股票和债券的价格

- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

依照企业法第一百三十三条第一款、第二款的规定决定回购股份

- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

依法在权限范围内决定投资计划和投资项目

- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

决定市场开发、营销和技术等方案

- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và giao dịch liên quan /giao dịch với người có liên quan, giao dịch đảm bảo/giao dịch bảo đảm v.v. có giá trị trên 5% nhưng dưới 10% tài sản ròng của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không dưới 5 triệu Nhân dân tệ hoặc tương đương bằng Việt Nam đồng. Hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ và theo quy định tại Luật doanh nghiệp, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

审批买卖、借贷、关联交易/与关联人交易、担保交易等金额超过最近财务报表中记录的公司及分公司净资产的 5%以上但小于 10%的合同，且不低于 500 万元人民币或等值越南盾。股东大会审批权下的合同和交易会根据公司章程和企业法，企业法第 167 条第 1 款和第 3 款的规定

- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

选举、罢免和免职董事长；根据公司章程聘任、解聘、撤职总经理或者其他高管人、；决定该等管理人员的薪酬、奖金及其他福利；任命一名授权代表参加另一家公司的股东会或股东大会，并决定该人的薪酬和其他福利

- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

监督和指导总经理和其他管理人员开展公司日常业务

- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

决定组织架构、公司内部管理制度、分公司、子公司、办公代表的成立以及出资收购其他企业的股份

- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

批准股东大会的议程、股东大会文件，召开股东大会或召集股东意见供股东大会通过决议；

- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

向股东大会提交经审计的年度财务报表

- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

提出支付股息额度的意见； 决定支付股息或处理经营过程中产生的损失的期限和程序；

- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

提议公司重组或解散； 公司破产申请

- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

经股东大会批准后，决定签发《董事会工作条例》、《公司内部管理制度》； 决定签发《董事会审计委员会工作条例》、《公司信息公告制度》

- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

《企业法》、《证券法》、其他法律规定和公司章程规定的其他权利和义务

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

董事会在会议上以表决方式通过决议、决定，以书面或者公司章程规定的其他形式收集意见。每位董事会成员拥有一张表决票。

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

董事会通过的决议或决定违反法律、股东大会决议或公司章程的规定，对公司造成损害，同意通过该决议或决定的成员必须承担连带责任并赔偿公司的损失；反对通过上述决议的成员将免责。在这种情况下，公司股东有权申请法院暂停执行或撤销上述决议或决定。

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 第 12 条：董事会批准和签订交易合同的职权

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 10% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản ròng ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

董事会批准公司与以下对象签订合同或交易，并该合同、交易价值低于最近财务报表记录总资产净值的 10% 或自首次交易之日起 12 个月内发生的交易总额低于总资产净值的 10%：

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

董事会成员、监事会成员、总经理、其他管理人员及其关联人

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

持有公司普通股股份的 10%以上的股东、股东授权代表及其关联人

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

与企业法第一百六十四条第二款规定的对象相关的企业

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định

việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

签订合同或交易的公司代表必须将与该合同或交易相关的当事人通知董事会成员和监事会成员，并附于合同草案或交易的主要内容。除公司章程另有规定外，董事会应当自收到通知之日起 15 日内决定批准合同或交易；具有与合同或交易当事人的利益关系的董事会成员无表决权

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 第 13 条：召开股东大会的董事会责任

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

董事会在以下情况召开股东大会

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

董事会认为为公司利益而必要召开

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

董事会和监事会的剩余成员人数少于法律规定的最低成员人数

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

应持有普通股总数 5%以上的股东或股东组的要求；召开股东大会的要求必须以书面形式提出，明确说明召开会议的理由和目的，由所有相关股东签名，或者书面申请一式多份，并收集足够的相关股东签字

Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông như sau:

持有普通股总数 5%以上的股东或股东组，有权要求董事会召开临时股东大会，如下：

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

董事会严重侵犯股东权利、管理人员义务或作出超出其授权范围的决定

- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

公司章程规定的其他情况

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

应监事会的要求

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

法律和公司章程规定的其他情况。

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

召开临时股东大会

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn 03 người hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

董事会必须在剩余的董事会成员、独立董事成员或监事会成员不足 3 人之日起 60 日内召开股东大会会议或收到本条第 1 款 c 点和 d 点规定的请求

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

股东大会召开人必须履行下列工作:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

制作有权出席会议的股东名单;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

提供与股东名单相关的信息和解决相关投诉;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

制作会议议程和会议内容

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

准备会议资料

- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

根据会议内容，起草股东大会决议；选举董事会成员、监事会成员的候选人名单及其个人信息

- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

确定会议时间和地点

- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;

根据企业法向有权出席会议的每位股东发出会议邀请书

- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

为会议服务的其他任务

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị 第 14 条：董事会的分委会

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

董事会可设立分委会，负责发展政策、人力资源、薪酬、内部审计和风险管理。分委会成员人数由董事会决定，董事会成员和外部成员至少 3 名。独立董事成员/董事会非执行成员占分委会的多数，其中一名成员根据董事会决定任命为分委员会主任。分委会工作必须遵守董事会的规定。分委会的决议只有在分委会会议有过半数委员出席并表决通过时方可生效。

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

执行董事会或分委会的决定，必须符合现行的法律规定和公司章程的规定、公司内部管理规定。

Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

第 4 章：董事会会议

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 第 15 条：董事会会议

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

董事长必须在该任期董事会选举结束之日起七个工作日在由第一次董事会会议选举产生，本次会议由得票最多或得票率最高的会员召集和主持。如果超过一名成员拥有最高和相等的票数，则由成员根据多数规则选举产生其中一人召集董事会会议。

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

董事会会议至少每个季度召开一次并可以召开临时股东大会

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

董事长在以下情况召开董事会会议:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

有监事会的提议或独立董事的提议

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

有经理或总经理的提议或根据企业法规定的至少 05 名

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản.

有至少 2 名董事会成员的提议

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

本条第 3 款规定的提议必须以书面形式提出，其中明确说明董事会的目的、讨论的事项和董事会权限内的决定

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị theo khoản 3 Điều 15 của Quy chế này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều

này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

董事长必须在收到本条第三款规定的提议之日起七个工作日内，按照本条例第十五条第三款的规定召开董事会会议。未按提议召开董事会会议，给公司造成的损害由董事长承担；提议人有权代替董事长召集董事会会议

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và văn bản từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố/hiệu lực trở về trước, trừ trường hợp quy định này trái quy định của Điều 41.5c Luật chứng khoán và trái với quy định tại khoản 11 Điều 15 của Quy chế này. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

董事长或召开会议人必须在会议召开前至少 3 个工作日向董事会成员发出邀请通知，董事会成员可以以书面形式拒绝邀请书并且该书面拒绝可以有追溯效力，该规定与《证券法》第 41.5c 条的规定和本条例第 15 条第 11 款的规定相抵触除外。会议邀请书必须明确会议的时间、地点、议程、讨论事项和决定。会议邀请书必须附上会议使用的文件和表决票

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

邀请通知可以通过邀请书、电话、传真、电子方式或公司章程规定的其他方式发送，并必须送达每位董事会成员已登记的联系地址。

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

董事长或召开会议人应当将会议邀请书及随附文件发送给监事会成员

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

监事会成员有权出席董事会会议、有权在会议上讨论，无权表决

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

董事会会议将在 4 分之 3 成员出席召开。本条规定召开会议但出席会议的成员不足，可以在第一次会议预定召开之日起七日内召开第二次会议。在这种情况下，出席会议人数超过半数方可召开。

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự/dự họp/có mặt và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

董事会成员在以下情况将视为出席和表决:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

直接出席和在会议上表决

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

根据本条第 11 款规定委托他人出席和表决

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

通过在线方式出席、电子投票或其他电子方式表决

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

将表决票通过邮箱、传真、快递发送至会议

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

公司章程规定的其他投票方式

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

若以快递方式发送表决票、该表决票应密封在信封中并在会议召开前最晚 01 个小时发送至董事长。表决票在出席会议成员面前公开打开

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

董事会成员必须出席董事会会议。董事会成员可以授权他人出席和表决若收到董事会大多数成员同意。

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp và có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

董事会决议、决定将在大多数出席成员赞成通过，若赞成者和不赞成者票数相等，最终决定将属于董事长的表决票。

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 第 16 条：董事会会议纪要

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

所有董事会会议必须有会议纪要并可以录音和保存为电子档。会议纪要应制作成越南语并可以添加外语，主要内容包括：

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

名称、总公司地址、企业编号

b) Thời gian, địa điểm họp;

会议时间、地点

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

会议目的、会议议程和会议内容

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

出席会议成员或受托人的姓名、出席方式、缺席成员姓名和缺席理由

e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

会议讨论和表决的问题

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

按照会议的先后顺序，对出席会议的每位成员发表的意见进行汇总

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

表决结果，其中说明赞成者、不赞成者和无意见者

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

已通过的问题及其相应的表决率

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

会议主席和会议纪要记录人的姓名和签名，本条第 2 款规定的情况除外，

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

会议主席或记录人在会议纪要上拒绝签字，但出席的所有成员签字并具备本条第 1 款 a、b、c、d、e、f、g、h、i 点规定的全部内容，会议纪要将生效。

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

董事长、记录人、会议纪要上签字之人必须对董事会会议纪要内容的真实性和准确性承担责任

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

董事会会议纪要和会议上使用的文件应保存在公司总部

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

会议纪要制作成越南语和外语具有同等法律效力。若越南语版本和外语版本内容之间有差异，则使用越南语版本。

Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

第 5 章：报告、利益相关公告

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm 第 17 条：年度报告

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

财务年度结束、董事会应向股东大会报告：

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

公司业绩报告

b) Báo cáo tài chính;

财务报表

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

公司管理、执行工作的评估报告

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

监事会的审批报告

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

本条第 1 款 a、b、c 点规定的报告，如果公司章程没有其他规定，必须在年度股东大会召开之日前至少 30 天送交监事会审批。

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

本条第一款和第二款规定的报告、监事会的审批报告和审计报告必须至少在会议召开前 10 天保存于公司总部。连续至少 1 年持有公司 5%以上股份的股东，有权直接或同持有从业证书的律师、会计师、审计师直接查阅本条第一款规定的报告。

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 第 18 条：董事会成员的薪酬、奖金和其他福利

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

公司有权根据业绩向董事会成员支付报酬和奖励

2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các người đại diện được ủy quyền thay thế) được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản

trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

董事会成员（不包括受托人）有权获得工作报酬和奖金。工作报酬按照完成董事会成员职责所需的工作日数和每日报酬计算。董事会根据一致同意的原则计算每位成员的薪酬。董事会的薪酬和奖金由股东大会在年度会议上决定。

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

每位董事会成员的报酬根据企业所得税法计入公司的营业费用，在公司年度财务报表中单独列示，并在年度股东大会上报告。

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

董事会成员担任执行职务（包括董事长或副董事长职务），或董事会成员在董事会下属分委会工作或执行其他职务。董事会成员可以根据董事会决定，以一次性工资、佣金、利润百分比或其他形式获得额外报酬。

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

董事会成员有权获得其在履行董事会成员职责过程中必须支付的所有吃住、来往和其他合理费用，包括出席股东大会、董事会或董事会下属分委会的费用

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

董事会成员经股东大会批准后，有权得到买责任保险。本保险不承保与违反法律和公司章程有关的董事会成员的责任

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan 第 19 条：利益相关的公告

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

除公司章程另有规定外，公司利益及关联人的公告应当符合下列规定：

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

公司董事会成员必须向公司申报其利益相关，包括：

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

其出资或参股企业的名称、企业编号、总公司地址、业务，所有权比率和出资或参股的时间；

- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

其或其关联人共同持有或单独持有出席或参股 10%以上注册资本的企业的名称、企业编号、总公司地址、业务范围。

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

本条第一款规定的公告必须在利益相关产生之日起 7 个工作日内作出； 修改和补充必须在相应的修改和补充之日起 07 个工作日内通知公司。

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

董事会成员在公司业务范围内以任何形式以个人或他人名义从事工作的，必须向董事会、监事会说明工作的性质和内容，并仅在获得董事会其余成员的大多数批准时进行； 未经申报或未经董事会批准而进行的，该等工作的收入全部归公司所有

Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

第 6 章：与董事会的关系

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 第 20: 董事会成员之间的关系

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

董事会成员之间的关系是配合关系。董事会成员负责在履行已收分配到工作过程中就相关问题进行沟通及交换意见。

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

在处理工作过程中, 该工作主要负责的董事会成员如出现与其他董事会成员职责范围相关的问题, 必须积极配合处理。董事会成员之间存在不同意见, 由主要负责的成员根据职权报董事长审议决定, 或依照法律、公司章程和本条例的规定召开董事会会议或听取董事会成员的意见

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

董事会成员之间重新分配工作, 董事会成员必须交接相关的工作、文件和记录。此项交接必须以书面形式进行, 并向董事长报告。

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành 第 21 条：与管理层的关系

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

董事会签发决议, 供总经理和管理层执行。同时, 董事会对决议的执行情况进行审查和监督

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 第 22 条：董事会与监事会的关系

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

董事会与监事会的关系为合作关系。董事会与监事会的工作关系遵循平等、独立的原则，在执行任务过程中密切配合、相互支持。

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

董事会在收到监事会的检查记录或一般性报告时，负责研究指导有关部门制定计划，及时整改。

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

第 7 章：实施条款

Điều 23. Hiệu lực thi hành 第 23 条：实施条款

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

国泰君安证券(越南)股份公司董事会工作条例共 7 章 23 条，自 2022 年....月...日起生效。

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

代表董事会

董事长

(签字、盖章)